TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 7 – 2019
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.

2. Ông Lý Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Thành Đạt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***:

Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2019/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019, về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị M**.

Địa chỉ: Nhà số x, ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Đỗ Đức V**.

Địa chỉ: Nhà số y, ấp T Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Nguyễn Thị M và anh Đỗ Đức V cưới nhau vào ngày 25 tháng 4 năm 2012, đến ngày 15 tháng 6 năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, là hôn nhân tự nguyện. Chị M và anh V chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh, chị không còn chung sống với nhau từ ngày 01 tháng 11 năm 2018. Nay chị M yêu cầu được ly hôn với anh V.

Chị M và anh V có hai con chung tên Đỗ Khánh Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2013 và Đỗ Đăng O, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016. Các con hiện nay sống chung với chị M.

Chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Y, cháu O đến khi tròn 18 (mười tám) tuổi. Tại phiên tòa, chị M không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Đỗ Đức V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng anh V đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, Thị trấn N, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Đức V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì chị M và anh V đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 15 tháng 6 năm 2012. Nay chị M yêu cầu ly hôn, được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Anh V đã được triệu tập tham gia hòa giải, nhưng anh V đều vắng mặt, chứng tỏ anh không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị M, cũng như tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chị không còn tình cảm với anh V nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị M và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[3] *Về con chung*:

Chị M và anh V có hai con chung tên Đỗ Khánh Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2013 và Đỗ Đăng O, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016, hiện nay đều chung sống với chị M; cháu O dưới 36 tháng tuổi và nhằm ổn định cuộc sống cho các cháu, nên căn cứ vào quy định của khoản 1, 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Y và cháu O cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Về quyền, nghĩa vụ của anh V đối với con chung: Anh V không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị M; anh cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu cấp dưỡng, nên anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2, 3 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M được ly hôn với bị đơn anh Đỗ Đức V.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Khánh Y, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2013 và Đỗ Đăng O, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Y và cháu O tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Đỗ Đức V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của các con được sống chung với chị M.

Anh Đỗ Đức V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Anh Đỗ Đức V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ma M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003623 ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- UBND xã Thiện Mỹ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh